

MÔ HÌNH PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI TRONG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HỌC SINH - TỪ LÍ THUYẾT ĐẾN VẬN DỤNG

Nguyễn Thị Ngọc Liên và Nguyễn Văn Biên

Khoa Vật lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Mối quan hệ nhà trường, gia đình, xã hội là nền tảng quan trọng tạo nên thành công trong giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh. Điều này đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu trong nước và quốc tế. Bài báo dựa trên những nghiên cứu đi trước, căn cứ vào cơ sở pháp lí và khảo sát thực trạng tại một số trường ở Việt Nam bước đầu đề xuất khung mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, xã hội- là cơ sở quan trọng để thiết kế các chỉ báo đánh giá mối quan hệ gia đình, nhà trường, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh hiện nay.

Từ khóa: Mô hình, phối hợp, giáo dục đạo đức, lối sống, gia đình, nhà trường, xã hội

1. Mở đầu

Giáo dục đạo đức là quá trình hình thành và hoàn thiện nhân cách- theo cách gọi của Tâm lí học, hay là quá trình xã hội hóa và cá thể hóa cá nhân- theo cách gọi của Xã hội học. Dù xét theo khía cạnh khoa học nào đi nữa, thì quá trình hình thành và định hình đạo đức cho cá nhân không phải là việc làm mà một người, một tổ chức chịu trách nhiệm, lại càng không phải là việc diễn ra trong ngắn hạn.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vai trò cũng như mối quan hệ của các lực lượng khác nhau trong giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ: Nghiên cứu của Epstein từ năm 1997 về 6 kiểu tham gia của gia đình vào hoạt động giáo dục học sinh trong nhà trường [1]; nghiên cứu của Griffin [2] cung cấp những lợi ích hay của Yanghee về những rào cản của mối quan hệ giữa gia đình nhà trường. Hay gần đây hơn là nghiên cứu của Fischer 2017 đã khái quát mô hình phối hợp gia đình và nhà trường từ mô hình của Gale 2010 và công sự đề đề xuất mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, xã hội trong hỗ trợ người học theo đuổi mục tiêu giáo dục. Từ đó cho thấy, một nền giáo dục hiệu quả phải dựa trên sự chia sẻ trách nhiệm giữa 3 phía là Gia đình, Nhà trường và Xã hội.

Ở Việt Nam, năm 1993 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ của PGS. Võ Tấn Quang chủ trì đã khẳng định cần nâng cao tính thống nhất, toàn vẹn và liên tục trong việc phối hợp 3 môi trường nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức cho học sinh. Tiếp sau đó, rất nhiều nghiên cứu về đạo đức nói riêng và về giáo dục nhân cách nói chung đã được tiến hành... Theo cách này hay cách khác, hầu hết các nghiên cứu về giáo dục đạo đức đều đề cập đến tác động của nhiều yếu tố đến giáo dục đạo đức cho học sinh [3].

Tuy nhiên, trong bối cảnh có nhiều đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay việc xác định một cách rõ ràng mối quan hệ, cơ chế vận hành mối quan hệ nhà trường, gia đình, xã hội (NT, GD, XH) trong giáo dục đạo đức cho HS là thật sự cần thiết- nhằm tạo ra sự thống nhất, liên tục, kịp thời giữa các bên trong GD đạo đức, lối sống cho học sinh. Với quan điểm đó, bài báo trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, tổng kết thực tế để xây dựng và đề xuất mô hình NT, GD, XH trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan một số mô hình lí thuyết và các luận điểm cơ bản

* Mô hình *hệ thống sinh thái* từ lí thuyết của Urie Bronfenbrenner (1917 – 2005) - nhà Tâm lí học Mỹ gốc Nga. Ông đã xây dựng nên **lí thuyết hệ thống sinh thái** (*Ecological Systems Theory*) và khẳng định niềm tin rằng "sự phát triển của một cá nhân sẽ bị tác động bởi mọi thứ xảy ra xung quanh trong môi trường sống của họ". Theo đó, trong nghiên cứu của mình ông đã chia môi trường sống của con người thành năm hệ thống cấp độ khác nhau: 1) *hệ thống vi mô*, 2) *hệ thống trung mô*, 3) *hệ thống ngoại vi*, 4) *hệ thống vĩ mô*, và 5) *hệ thống thời gian*. Mỗi cấp độ có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển nhân cách của đứa trẻ [4] .

* Mô hình về sáu kiểu tham gia của cộng đồng, gia đình vào hoạt động nhà trường của Epstein 2002 [5]. Sáu kiểu tham gia của gia đình và cộng đồng vào giáo dục đạo đức cho trẻ được mô tả trong khung lí thuyết của Joyce Epstein gồm: (1). Giáo dục trong gia đình; (2). Giao tiếp hai chiều; (3) Hoạt động tình nguyện; (4). Cha mẹ đồng hành cùng con cái trong hoạt động học tập tại nhà. (5). Tham gia vào việc ra quyết định; (6). Hợp tác với cộng đồng. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đã tiếp cận 6 phương thức nhà trường phối hợp huy động sự tham gia gồm: 1. *Hỗ trợ phương pháp giáo dục*; 2. *Thiết lập kênh thông tin – giao tiếp*; 3. *Khuyến khích sự tham gia tự nguyện*; 4. *Phối hợp giáo dục tại gia đình*; 5. *Tham gia vào tiến trình ra quyết định*; 6. *Hợp tác với cộng đồng địa phương*.

* Mô hình chu trình bảy bước phối hợp gia đình, nhà trường, xã hội của Bryan và Henry (2012). Trong mô hình này, nhóm nghiên cứu đề xuất 7 bước nhằm phối hợp nhà trường với gia đình và xã hội gồm: Chuẩn bị cho sự phối hợp NT, GD, XH; Đánh giá nhu cầu và điểm mạnh; Tham gia phối hợp; Xây dựng tầm nhìn và kế hoạch; Hành động; Đánh giá và công nhận sự tiến bộ; Duy trì sự phối hợp [6].

* *Mối quan hệ hợp tác nhà trường, gia đình, cộng đồng trong lĩnh vực cụ thể được đề cập đến trong nghiên cứu về “Xây dựng khung hợp tác giữa nhà trường và cộng đồng nhằm phát triển hoạt động thể chất cho học sinh”* của tác giả Ragnar Van Acker và cộng sự [7]. Nghiên cứu đã đề xuất khung hợp tác 5 thành tố cho các bên cùng phối hợp thực hiện nhằm gia tăng thời gian và chất lượng vận động thể chất từ đó tăng cường thể lực cho học sinh.

Mặt khác, nhiều nghiên cứu tuy không đưa ra mô hình cụ thể nhưng khẳng định các luận điểm về mối quan hệ hiệu quả giữa nhà trường, gia đình, xã hội nhằm đảm bảo thành công trong giáo dục học sinh, cụ thể:

* Chính phủ Úc đã xây dựng một khung lí luận hướng dẫn và hỗ trợ cho nhà trường và gia đình trong quá trình xây dựng mối quan hệ hợp tác đối tác giữa gia đình và nhà trường [8]. Khung lí luận được xây dựng nhằm khuyến khích và hướng dẫn các trường học, hệ thống trường học, gia đình phát triển quan hệ đối tác hiệu quả. Quan hệ đối tác cần được thực hiện dựa trên các nguyên lí và phương pháp chung, nhưng cần điều chỉnh phù hợp với từng hoàn cảnh, đặc trưng của cộng đồng nhà trường và gia đình, cơ trường, trình độ giáo dục và nhu cầu của học sinh. Khung lí luận này gồm 6 phần, trong đó có: Tầm nhìn của quan hệ đối tác giữa nhà trường và gia đình ở Australia; Nguyên tắc thực hiện hiệu quả mối quan hệ đối tác giữa gia đình và nhà trường, Bảy chiều kích trong quan hệ đối tác giữa gia đình và

nhà trường; Các phương pháp mà cộng đồng nhà trường có thể sử dụng trong phát triển các mối quan hệ đối tác giữa gia đình và nhà trường.

Trong một nghiên cứu khác, các nhà nghiên cứu cũng đề xuất chiến lược phát triển quan hệ đối tác gia đình – trường học với 15 việc quan trọng cần làm, trong đó đánh giá hàng đầu là: Xem xét xây dựng chính sách về quan hệ đối tác với gia đình; Lập kế hoạch hành động hàng năm cho quan hệ đối tác; Cung cấp tài liệu tài nguyên để hỗ trợ các trường học với các chương trình hợp tác [8].

Như vậy, để vận hành mối quan hệ NT, GD, XH điều kiện nêu ra ở đây là cần có cơ chế và những quy định, hướng dẫn cụ thể và đủ mạnh.

* Một nghiên cứu khác, khẳng định 3 nguyên tắc duy trì, phát triển mối quan hệ “đối tác” giữa gia đình và trường học, gồm: *Tính bền vững* là ưu tiên hàng đầu để làm sao cam kết giữa gia đình-trường học được thực hiện qua nhiều năm; *Tính kịp thời*: đánh giá các dấu hiệu cảnh báo sớm và thông báo đến cho gia đình, nhờ gia đình hỗ trợ, can thiệp; *Tính sẵn sàng và phù hợp*: có kế hoạch đồng thời có sự phù hợp với từng học sinh và điều kiện, hoàn cảnh gia đình các em [8]. *Nghiên cứu của Võ Tấn Quang (1993) đưa ra 3 nguyên tắc cơ bản: Thống nhất, toàn vẹn, liên tục trong mối quan hệ NT, GD, XH[3].*

Đặc biệt, nhiều nghiên cứu bàn nhiều đến cách thức cụ thể để vận hành mối quan hệ NT, GD, XH:

- Nghiên cứu về cách thức kết nối giữa gia đình và nhà trường của *Susan M. và cộng sự* cũng khẳng định, đặc trưng của phương thức kết nối này là: giao tiếp hai chiều, xây dựng lòng tin, cam kết chung, thiết lập mục tiêu chung và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong quá trình cộng tác. Gia đình được tự chủ và nhà trường, GV cũng được trao quyền (Tin tưởng, coi mở) [9].

- Gelfer (1991) đã vạch ra 5 *mục tiêu cụ thể* mà mối quan hệ giao tiếp giữa nhà trường với cha mẹ, gia đình cần phải đạt tới: (1)Thúc đẩy sự gắn kết giữa gia đình và trường học; (2) Giúp cha mẹ có thêm kiến thức và mở mang tầm nhìn về quá trình phát triển của trẻ, từ đó thúc đẩy mối quan hệ của họ với con em mình; (4) Khuyến khích vai trò tích cực, chủ động của cha mẹ trong quá trình trưởng thành, phát triển của trẻ; (5) Tăng cường vai trò của cha mẹ, làm sao cha mẹ cũng chính là người Thầy của con; (6) Xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững giữa cha mẹ và nhà trường.

- Các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra bốn hành vi/ quy trình thúc đẩy sự giao tiếp giữa cha mẹ và giáo viên:

- + Thứ nhất là hai bên đều cũng chú trọng việc nuôi dưỡng mối quan hệ lẫn nhau trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

- + Thứ hai là ủng hộ mục tiêu và nỗ lực của nhau về những vấn đề liên quan đến con trẻ.

- + Thứ ba là đồng hành cùng nhau, từ việc cùng tham gia kế hoạch của nhau, chia sẻ các phương pháp dạy học, giáo dục, tổ chức các buổi gặp mặt, tọa đàm, hội thảo để thúc đẩy hệ thống giáo dục- học tập có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, giữa cha mẹ và giáo viên.

- + Thứ tư là cung cấp phản hồi cho nhau. Đây là yêu cầu cần thiết để duy trì quá trình giao tiếp. Sự phản hồi thường đưa cho cha mẹ, giáo viên: 1. Thông tin nhằm thúc đẩy nỗ lực; 2. Công nhận bốn phần, trách nhiệm và quyền lợi của nhau; 3.Thách thức đặt ra cần vượt qua để phát huy hơn nữa vai trò của mình ..

- Các nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh đến các cách thức mà nhà trường có thể làm để đảm bảo sự hợp tác tốt nhất, gồm 18 hành động rất cụ thể [8].

- Nghiên cứu thực tiễn của *Garry Hornby* cũng nêu rõ: quan hệ đối tác giữa nhà trường và gia đình là điều thiết yếu trong việc cung cấp một nền giáo dục tối ưu cho trẻ em. Vì vậy, việc phát triển các kỹ năng và kiến thức cần thiết cho giáo viên để họ làm việc hiệu quả với cha mẹ học sinh là điều cần thiết đối với tất cả các trường học [10].

** Bàn đến các yêu cầu đảm bảo cho thành công của mối quan hệ:*

- 3 yêu cầu để sự tham gia của gia đình giúp cải thiện sự phát triển lành mạnh và giáo dục trẻ em:

○ Thứ nhất, nó đòi hỏi các *cam kết vững chắc* của các nhà giáo dục, nhà cung cấp dịch vụ và các nhà lãnh đạo chỉ đạo công tác phát triển thanh niên, đặc biệt là cam kết xem gia đình là đối tác chính, tôn trọng những gì họ và con cái họ muốn và cần.

○ Thứ hai, nó đòi hỏi một *kế hoạch toàn diện* có trọng tâm kép

○ Thứ ba, *sự tương tác mạnh mẽ* của gia đình cũng cần có sự hỗ trợ về cơ sở hạ tầng của nhà trường [8].

Tóm lại, nghiên cứu cơ sở khoa học của mô hình NT, GD, XH cho thấy:

Thứ nhất, mối quan hệ giữa NT, GD, XH là yếu tố cần thiết quyết định đến hiệu quả giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Thứ hai, để mối quan hệ này thành công, đạt được kết quả như mong muốn cần nhiều yếu tố: (1) Có cơ chế, chính sách ràng buộc và các hướng dẫn cụ thể. (2) Có cách thức vận hành mối quan hệ giữa NT, GD, XH theo từng bước cụ thể; (3) Có các nguyên tắc chung để chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát mối quan hệ.

2.2. Thực tiễn mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, xã hội tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

2.2.1. Tiếp cận cơ sở pháp lý của mối quan hệ NT, GD, XH trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Trong thực tế khảo sát, nhiều trường khẳng định, hệ thống văn bản quy định về tính pháp lý của mối quan hệ NT, GD, XH trong giáo dục đã tương đối đầy đủ, những điều này ít nhiều được thể hiện trong các văn bản sau:

- Trong Hiến pháp 1992 (được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1992) và Hiến pháp 2013 (được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013).

- Các văn kiện Đại hội Đảng.

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/03/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030.

- Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”.

- Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 - 2020”.

- Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009.

- Chỉ thị số 71/2008/CT-BGDĐT ngày 23/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên.

- Quyết định số 410/QĐ-BGDĐT ngày 04/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 1501/QĐTTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 - 2020” của ngành giáo dục.

- Quyết định số 3391/QĐ –BVHTTDL ngày 01/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao Du lịch về việc phê duyệt “Đề án tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2010-2020.

- Thông tư 55/2011/TT-BGDDT ban hành điều lệ đại diện cha mẹ học sinh.

- Nghị định 138/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

- Gần đây nhất là thông tư 06 /2019/TT-BGDDT quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Bên cạnh những văn bản, quy định nêu trên, còn rất nhiều quy định, hướng dẫn khác về mối quan hệ NT, GD, XH trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Những văn bản này một mặt quy định trách nhiệm của các bên trong giáo dục đạo đức lối sống HS, mặt khác hướng dẫn cách thức phối hợp.

Tuy nhiên, để hiểu, vận dụng những quy định này vào thực tế đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo cũng như nhiệt huyết của mỗi nhà trường.

2.2.2. Một số nhận định từ nghiên cứu thực tiễn các trường điển hình

Nghiên cứu trên 16 trường điển hình tại Hà Nội, nhóm nghiên cứu tập trung phân tích 5 nội dung: (1) Các hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường phổ thông hiện nay; (2) Sự tham gia của gia đình và các lực lượng xã hội vào giáo dục đạo đức; (3) Vai trò của nhà trường trong phối hợp với gia đình và các lực lượng xã hội trong giáo dục đạo đức; (4) Nhận thức và việc thực hiện các văn bản quy định và hướng dẫn việc phối hợp với GD, xã hội trong giáo dục đạo đức; (5) Đánh giá mức độ hài lòng về mối quan hệ Nhà trường- Gia đình- Xã hội và đề xuất biện pháp. Một số nhận định rút ra từ nghiên cứu trường hợp cụ thể như sau:

(1). Các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trong nhà trường phổ thông hiện nay đang được thực hiện thông qua:

- Thông qua hành vi làm gương của người lớn, cha mẹ
- Thông qua hướng dẫn cho HS rèn luyện hành vi thói quen hàng ngày
- Qua hoạt động ngoại khóa
- Lồng ghép vào các môn học
- Thông qua tương tác trên mạng xã hội
- Mời chuyên gia đến chia sẻ
- Phối hợp với gia đình và các lực lượng XH

Trong số 7 hoạt động giáo dục đạo đức được các bên chia sẻ, hoạt động được nhắc đến nhiều nhất là “GD đạo đức, lối sống thông qua các hoạt động ngoại khóa” và ít nhắc đến nhất là “Được thực hiện thông qua hành vi làm gương của người lớn, cha mẹ và qua phối hợp các lực lượng” (đáng chú ý đây là 2 con đường cơ bản và rất quan trọng để hình thành đạo đức, lối sống cho trẻ)

(2). Sự tham gia của gia đình và các lực lượng xã hội vào giáo dục đạo đức, lối sống cho HS.

• Về sự tham gia của gia đình:

Càng ở bậc học nhỏ, gia đình càng có xu hướng chú ý và dành thời gian cho con nhiều hơn, rèn con vào nề nếp thông qua các hoạt động sống. Đến THPT, cha mẹ có tham gia, nhưng ít chú ý hơn đến rèn luyện thông qua hành vi bản thân và nề nếp ở nhà. Gia đình nhìn chung có tham gia vào các hoạt động của nhà trường: Nhưng chủ yếu là các cha mẹ trong ban phụ huynh (Lớp có 33 học sinh thì chỉ khoảng 3- 4 phụ huynh tham gia trong các hoạt động cùng con ở trường, chủ yếu là cha mẹ trong ban phụ huynh lớp hoặc trường.

Về thời gian mà cha mẹ dành cho con cái: Phần đông người được phỏng vấn lựa chọn cha mẹ dành cho con khoảng 1h/ngày. Khoảng thời gian cha mẹ dành nói chuyện với con thường là: Trong lúc ăn cơm, dọn dẹp, trên đường đi học. Nội dung cuộc trò chuyện giữa cha mẹ và con

cái ở nhà tập trung nhiều về vấn đề học tập, tiếp đến là ứng xử hàng ngày, các vấn đề khác, cuối cùng mới đến các hành vi, chuẩn mực đạo đức.

- **Về sự tham gia của các lực lượng xã hội**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các lực lượng XH tham gia vào việc giáo dục nói chung và GD đạo đức cho HS khá phong phú, đa dạng. Các lực lượng này cũng được đánh giá khá tích cực trong việc tham gia vào các HĐ của nhà trường và cũng có sự khác nhau giữa các cấp học phụ thuộc vào đặc điểm lứa tuổi HS và yêu cầu GD ở cấp học ấy. Qua phỏng vấn CBQL các nhà trường, yếu tố ảnh hưởng lớn thu hút các lực lượng XH đến giáo dục đạo đức HS phụ thuộc vào:

- + Trình độ, tâm huyết và sự năng động, sáng tạo của quản lý nhà trường
- + Địa bàn mà trường đặt (Dân trí, kinh tế, văn hóa... của địa phương)
- + Trình độ, nhận thức, ý thức của phụ huynh HS
- + Sự khéo léo, năng động của đội ngũ giáo viên

Nhìn vào đánh giá trên, thì chưa thấy ảnh hưởng của yếu tố chính sách, quy định về sự tham gia của các lực lượng xã hội này

(3). Vai trò của nhà trường trong phối hợp với gia đình và các lực lượng xã hội trong giáo dục đạo đức được biểu hiện qua một số hoạt động cụ thể như:

- Trao đổi với gia đình về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức học sinh (*chủ yếu thông qua họp phụ huynh*)

- Huy động sự tham gia của gia đình, xã hội vào các hoạt động giáo dục đạo đức của nhà trường (*Chủ yếu trong các hoạt động ngoại khóa*)

- Chia sẻ, hỗ trợ gia đình, cộng đồng và tổ chức xã hội về phương pháp giáo dục trẻ (*Có nhưng ít: thông qua câu lạc bộ cha mẹ HS, phòng tham vấn tâm lý, tọa đàm (theo lớp); các hoạt động văn hóa, sinh hoạt tại địa phương*)

- Lấy thông tin phản hồi từ GD và các lực lượng xã hội về hành vi của trẻ ở ngoài nhà trường để giáo dục hiệu quả. (*Có nhưng mang tính cá nhân, phụ thuộc vào GVCN*)

(4). Nhận thức và việc thực hiện các văn bản quy định và hướng dẫn việc phối hợp với GD, xã hội trong giáo dục đạo đức

Một số các văn bản được GV, PH, CBQL kê ra trong việc quy định, hướng dẫn việc thực hiện sự phối hợp 3 môi trường trong giáo dục đạo đức học sinh: Thông tư 55/Bộ GDĐT: nhưng không có chế tài hay trách nhiệm cụ thể với Phụ huynh, nhiều PH hợp rất miễn cưỡng (chỉ để đóng tiền). Không có cơ chế ràng buộc nên nhiều PH xem nhẹ sự phối hợp; Nghị định 138/2003 có quy định về xử phạt hành chính trong GD—Nhưng đa phần GV và cha mẹ HS không nắm được luật- chưa được tuyên truyền để hiểu; Điều lệ trường học, thông tư của bộ giáo dục, thông tư 58 về đánh giá học sinh, trong đó có đánh giá đạo đức...

Đánh giá: Các văn bản này còn chung chung – không cụ thể hay mang tính hướng dẫn thực hiện nên nhà trường vận dụng linh hoạt, sáng tạo các quy định. Trong các văn có quy định trách nhiệm của từng bên nhưng trách nhiệm của nhà trường vẫn là chính. Rất nhiều văn bản quy định, nhưng đa phần các nhà trường, cha mẹ học sinh chưa tìm hiểu hết và đánh giá các văn bản này khi triển khai vào còn chung chung, gây khó khăn khi thực hiện.

* Thực tiễn việc hiện các văn bản quy định, hướng dẫn việc thực hiện sự phối hợp 3 môi trường trong giáo dục đạo đức học sinh được các trường hiện thực hóa thông qua xây dựng nội quy, quy tắc ứng xử, đưa vào tiêu chí đánh giá của nhà trường, cụ thể:

- + Đưa riêng bảng nội quy, bộ quy tắc ứng xử đối với cán bộ giáo viên (Hầu hết trường)

- + Thực hiện đánh giá công chức viên chức hằng tháng theo bộ tiêu chí riêng dựa trên bộ tiêu chí của cấp trên.

+ Ban hành kế hoạch giáo dục đạo đức cho HS từ đầu năm: có quy định trách nhiệm GV, GD (theo Điều lệ nhà trường, đưa ra nội quy trường). Có xác nhận của ủy ban, công an, y tế,... (THCS Thụy Phương, THPT Hà Huy Tập...). Có quy chế hoạt động thông tin giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

+ Xây dựng sổ tay những điều cần biết (có nội dung của nhà trường, có thông tư điều lệ của bộ giáo dục) (THCS Trung Vương, THPT Đinh Tiên Hoàng...)

Tuy nhiên, đánh giá của các bên về việc thực hiện các quy định này còn chưa thực sự hiệu quả trong vận hành mối quan hệ phối hợp:

Các quy định, nội quy, quy tắc ứng xử của các trường xây dựng dựa trên hướng dẫn chủ yếu mới đề cập đến quyền hạn trách nhiệm và xử lý vi phạm với các cá nhân trong trường (Cán bộ nhân viên, giáo viên, học sinh...) mà chưa có những quy định với các lực lượng bên ngoài (phụ huynh, cộng đồng, chính quyền, các tổ chức XH..)

(5). Đánh giá mức độ hài lòng về mối quan hệ Nhà trường, Gia đình, Xã hội và đề xuất biện pháp

* Đánh giá mức độ hài lòng tập trung vào các yếu tố: nhà trường có nhiều hoạt động phong phú; có sự quan tâm, phối hợp của địa phương; có nội quy quy tắc...

* Mức độ không hài lòng tập trung vào các yếu tố: Thiếu sự thấu hiểu, hợp tác từ cha mẹ, GD thiếu niềm tin nhưng đặt áp lực vào GV; ảnh hưởng của truyền thông lên mối quan hệ GD- NT; lớp quá đông khiến sự quan tâm không đầy đủ đến HS; thiếu coi trọng GD đạo đức, thể chất...

2.3. Đề xuất mô hình nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh

* *Quan niệm về mô hình:*

- Mô hình là hình ảnh cụ thể về đối tượng nghiên cứu cùng các phần cấu trúc đầy đủ và các mối quan hệ của chúng

- Mô hình là bản mô tả đơn giản của một hệ thống, trong đó mô phỏng lại các thành tố, và cơ chế vận hành của các thành tố đó trong mối liên hệ với nhau.

Mô hình là hình ảnh cụ thể của một hệ thống, trong đó thể hiện đầy đủ các thành phần cấu trúc và cơ chế vận hành của các thành tố đó trong mối liên hệ với nhau

* *Mô hình nhà trường- gia đình- xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh* là một mô hình động trong đó thể hiện các thành tố tham gia vào quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh bao gồm: gia đình, nhà trường, xã hội và cách thức/cơ chế vận hành mối quan hệ giữa các thành tố đó để đạt mục tiêu giáo dục đạo đức.

Mô hình nhà trường, gia đình, xã hội ở đây là mô hình động bởi lẽ trong mô hình này không chỉ mô tả phần “TĨNH”- là các thành tố mang tính cấu trúc và chức năng của hệ thống; mà bản chất của mô hình này là cung cấp phần “ĐỘNG”- tức là mô hình hóa hoạt động của hệ thống, làm rõ cơ chế, cách thức vận hành mối quan hệ bên trong của hệ thống.

* *Mối quan hệ/ sự liên kết:*

* **Mối quan hệ:** Thể hiện sự liên quan, tính liên kết, phụ thuộc lẫn nhau của 2 hay nhiều đối tượng (yếu tố) trong một hệ thống nhất định.

* **Sự liên kết:** Thể hiện tính chất liên minh của các lực lượng tham gia hoạt động.

Liên kết trong hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống HS thể hiện ở:

+ Sự thống nhất từ nhận thức đến hành động giữa các thành viên tham gia vào mối quan hệ trong giáo dục đạo đức, lối sống HS.

+ Sự ràng buộc, gắn bó chặt chẽ với nhau về mục tiêu, về quyền lợi, quyền hạn, trách nhiệm và sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh.

+ Đòi hỏi tính tự giác, tự nguyện, sự nỗ lực vượt khó với nhận thức sâu sắc mục tiêu chung phải đạt được (đôi khi phải tạm gác quyền lợi cá nhân hay lợi ích bộ phận).

Từ cơ sở lý luận và pháp lý ở trên, để sự liên kết trong mối quan hệ này được vận hành mang lại hiệu quả, đòi hỏi phải có:

(1) Cơ chế: Chỉ trạng thái “động” của một hệ thống theo đó quy định cách thức vận hành, quy trình thực hiện hoạt động trong hệ thống đó

* *Cơ chế chính sách:* Là những biện pháp của Nhà nước hoặc các cấp có thẩm quyền trong quản lý nhà nước để tác động tới các thành phần xã hội (thông qua pháp luật, các công cụ quản lý hành chính khác, các công cụ kinh tế...) nhằm quy định cách thức thực hiện hoạt động đạt tới mục tiêu chung, thống nhất

* *Cơ chế điều hành, giám sát:* Việc chuyển hóa, vận dụng những cơ chế chính sách vào bối cảnh của từng ngành, vùng, địa phương, từng lĩnh vực nhằm quy định cách thức thực hiện hoạt động đạt tới mục tiêu chung, thống nhất của ngành, vùng, địa phương, từng lĩnh vực đó

(2) Các nguyên tắc: Là những điều cơ bản rút ra từ thực tiễn khách quan để chỉ đạo hành động, hướng dẫn hành vi cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào mối quan hệ.

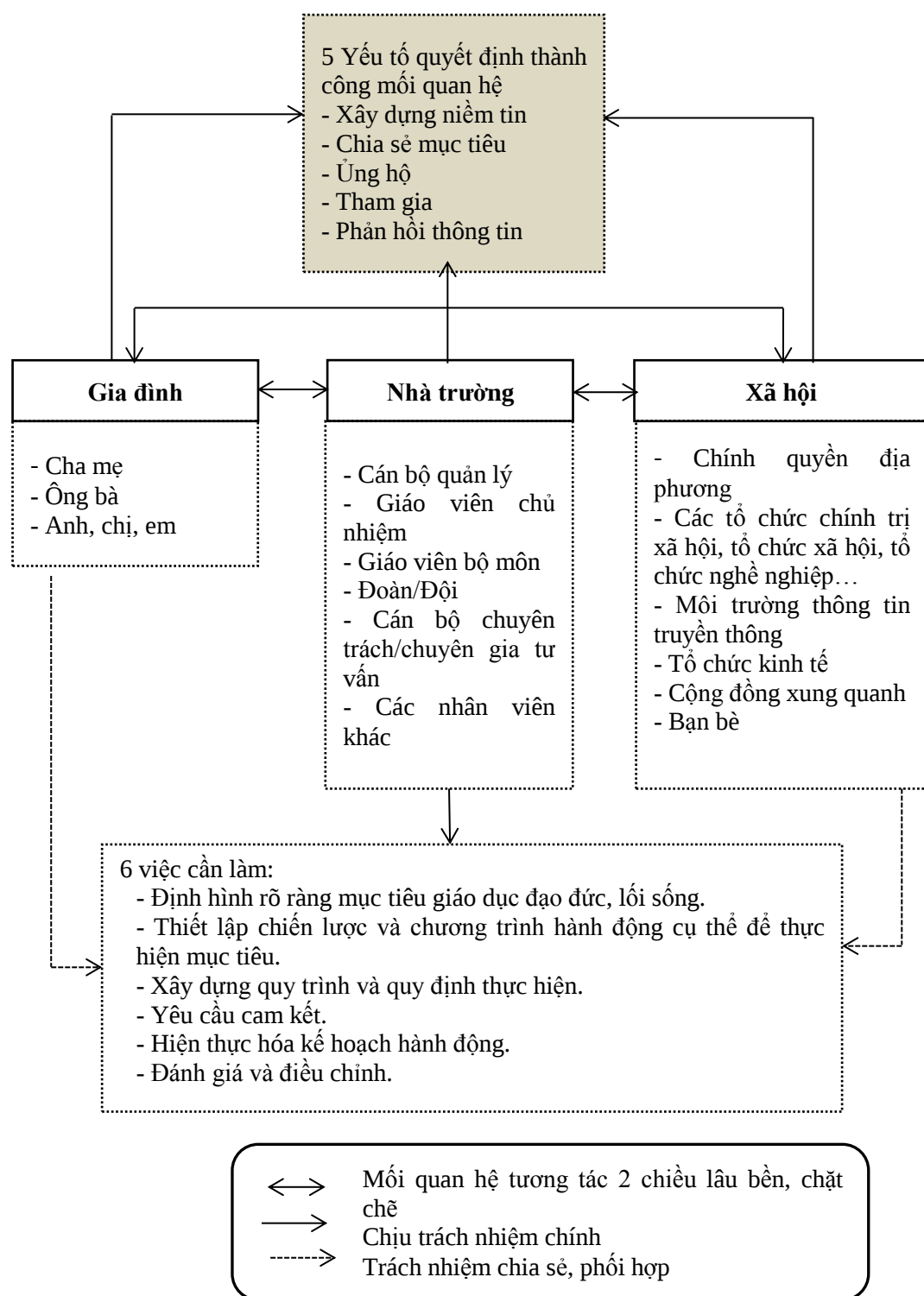
(3) Các cách thức vận hành cụ thể: Là hình thức/ quy trình mà các hoạt động diễn ra (tuân theo cơ chế và chịu sự quy định của các nguyên tắc nhất định)

Bảng 1. Khung mô hình NT, GD, XH trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

CÁC THÀNH TỐ THAM GIA	
NHÀ TRƯỜNG	
-	Cán bộ quản lý
-	Giáo viên chủ nhiệm
-	Giáo viên bộ môn
-	Đoàn thanh niên/đội thiếu niên
-	Cán bộ chuyên trách/ chuyên gia tư vấn
-	Các nhân viên khác
GIA ĐÌNH	
-	Cha mẹ
-	Ông bà
-	Anh chị em ruột
-	Họ hàng
XÃ HỘI	
-	Môi trường kinh tế, văn hóa, chính trị (XH vĩ mô)
-	Tổ chức chính trị: <i>Chính quyền địa phương</i>
-	Tổ chức chính trị- xã hội: <i>Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân</i>
-	Tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp: <i>Hội nhà báo, Hội luật gia, Hội nhà văn</i>
-	Tổ chức xã hội: <i>Hội khuyến học, Hội người cao tuổi, Hội phục hồi chức năng....</i>
-	Tổ chức xã hội - nghề nghiệp: <i>Các hội- hiệp hội ngành nghề (hiệp hội nghề cá, hiệp hội dệt may, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam...)</i>
-	Tổ chức kinh tế: <i>Các doanh nghiệp, các công ty...</i>
-	Cộng đồng xung quanh
-	Môi trường thông tin truyền thông

- Nhóm bạn		
MỐI QUAN HỆ/LIÊN KẾT GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI TRONG GD ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG		
Các mặt chính		Biểu hiện cụ thể
<i>Cơ chế</i>	<i>Chính sách</i>	- Những quy định, hướng dẫn về mối quan hệ giữa Nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho HS của Đảng, Nhà nước, Bộ, Ngành, Địa phương...
	<i>Điều hành, giám sát</i>	- Trường học, địa phương, gia đình hiểu biết về những chính sách về mối quan hệ NT, GD, XH - Nhà trường, gia đình, xã hội vận dụng để xây dựng cơ chế vận hành mối quan hệ này
<i>Nguyên tắc</i>	<i>Thống nhất</i>	- Thống nhất theo “chiều ngang”: Thống nhất giữa 3 lực lượng về: mục tiêu GD đạo đức, nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức, đánh giá đạo đức... - Thống nhất theo “chiều dọc”: thể hiện tính nhất quán trước và sau, sự liên tục từ cấp học này sang cấp học khác
	<i>Kịp thời</i>	- NT, GD, XH nhận biết, đánh giá các dấu hiệu cảnh báo sớm về đạo đức, không chờ đến khi có vi phạm hoặc vấn đề nghiêm trọng xảy ra với học sinh mới thông báo đến các lực lượng khác và nhờ hỗ trợ, can thiệp.
	<i>Phù hợp</i>	- Các chiến lược hợp tác giữa NT, GD, XH được điều chỉnh tùy theo đặc điểm HS, nhu cầu và sự sẵn sàng của từng gia đình cũng như đặc thù của từng trường, từng địa phương. - Bản thân các gia đình giúp nhà trường xác định các chiến lược phù hợp nhất với họ để trường học được xem là nơi “thân thiện với gia đình”.
<i>Cách thức vận hành mối quan hệ</i>	<i>Xây dựng niềm tin</i>	- Tin tưởng, tín nhiệm và sẵn sàng hành động hoặc phối hợp trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh
	<i>Xây dựng và chia sẻ mục tiêu chung</i>	- Cùng tham gia xây dựng mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh - Hoặc được chia sẻ để tạo nên sự thấu hiểu về mục tiêu-sẵn sàng cam kết thực hiện
	<i>Ứng hộ những nỗ lực của nhau</i>	- Nhận ra, khích lệ và ủng hộ những đóng góp và nỗ lực phối hợp của các bên trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh
	<i>Đồng hành cùng tham gia</i>	Cùng tham gia vào các kế hoạch, các hoạt động giáo dục đạo đức lối sống cho HS
	<i>Cung cấp thông tin phản hồi</i>	Phản hồi thông tin 2 chiều để nắm bắt tình hình, điều chỉnh phương pháp và nhận biết mức độ đạt mục tiêu trong GD đạo đức

Mô hình lí thuyết trên được xây dựng trên cơ sở tổng hợp từ 3 nguồn chính: Thứ nhất, cơ sở khoa học (kinh nghiệm quốc tế và các nghiên cứu đi trước); cơ sở pháp lí (các văn bản hiện hành), cơ sở thực tiễn (kết quả nghiên cứu 16 trường điển hình).



Hình 1. Mối quan hệ nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Mô hình trên cho thấy sự tham gia cũng như mối quan hệ giữa các thành phần tham gia vào giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh. Trong mô hình này nhà trường đóng vai trò trung tâm,

nhưng thành công của nhà trường lại phụ thuộc vào sự tham gia và phối hợp của các bên (trong đó: đầu vào- gia đình; quá trình- nhà trường; đầu ra- xã hội). Bằng lí luận và thực tiễn, nghiên cứu này khẳng định:

- Để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh hiệu quả đem lại thành công lâu dài, bền vững cho các em đòi hỏi từ phía nhà trường (vai trò trung tâm) cần có:

- + Mục tiêu giáo dục đạo đức, lối sống rõ ràng
- + Chiến lược và chương trình hành động cụ thể để thực hiện mục tiêu
- + Xây dựng quy trình và quy định trong thực hiện
- + Yêu cầu cam kết
- + Hiện thực hóa kế hoạch hành động
- + Đánh giá và điều chỉnh

- Tuy nhiên, quyết định thành công lại phụ thuộc vào sự tham gia, phối hợp trong mối quan hệ NT, GD, XH, muốn vậy mối quan hệ này cần đảm bảo yếu tố:

- + Xây dựng niềm tin giữa NT, GD, XH
- + Chia sẻ và thống nhất mục tiêu
- + Ủng hộ những nỗ lực của các bên
- + Tham gia, đồng hành trong các hoạt động
- + Phản hồi thông tin hai chiều

3. Kết luận

Nhà trường chỉ là một pháo đài nguy nga, tráng lệ nhưng thiếu đi sức sống nếu không có sự tham gia của gia đình học sinh và cộng đồng xã hội vào hoạt động của mình. Nghiên cứu này đã chỉ ra các thành tố tham gia vào giáo dục đạo đức trong nhà trường và mối quan hệ giữa các thành tố đó. Đồng thời, nghiên cứu cũng làm rõ các chỉ báo để đánh giá mối quan hệ giữa NT, GD, XH, các chỉ báo này là cơ sở để nhóm nghiên cứu sau khi bổ sung, hoàn thiện nhằm xây dựng tiêu chí đánh giá làm cơ sở cho mỗi nhà trường, gia đình, cộng đồng đánh giá mức độ đóng góp của mình vào hiệu quả của mối quan hệ cũng như giúp các bên tìm ra cách thức để phối hợp cùng nhau trong giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ- vì một tương lai phát triển bền vững của mỗi cá nhân và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C. R. Keyes, 2000. “*Parent-Teacher Partnerships: A Theoretical Approach for Teachers*,” Issues Early Child. Educ. Curriculum, Teach. Educ. Dissem. Inf., pp. 107–118.
- [2] H. Bower and D. Griffin, 2011. “*Can the Epstein Model of Parental Involvement Work in a High-Minority, High-Poverty Elementary School? A Case Study*,” Prof. Sch. Couns., vol. 15, no. 2, pp. 77–87.
- [3] V. T. Quang, 1993. “*Báo cáo tổng kết đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ: Nâng cao tính thống nhất giữa giáo dục nhà trường- gia đình- xã hội trong điều kiện mới*”.
- [4] U. Bronfenbrenner, 1979. *The Ecology of Human Development*.
- [5] J. L. Epstein, 2012. “*Epstein’s framework of six types of involvement*,” Cent. Soc. Organ. Sch., pp. 1–6.
- [6] J. Bryan and L. Henry, 2012. “*A model for building school-family-community partnerships: Principles and process*,” J. Couns. Dev., vol. 90, no. 4, pp. 408–420.
- [7] R. Van Acker et al., 2011. “*A Framework for Physical Activity Programs Within School-Community Partnerships*,” Quest, vol. 63, no. 3, pp. 300–320.

- [8] Australian Government, 2008. “*Family - School Partnerships Framework - A guide for schools and families*”.
- [9] S. M. Sheridan and E. M. Kim, 2015. *Family-school partnerships in context..*
- [10] G. Hornby and R. Lafaele, 2011. “*Barriers to parental involvement in education: An explanatory model,*” *Educ. Rev.*, vol. 63, no. 1, pp. 37–52.

ABSTRACT

School - family - society model on moral, life styles education – from theory to practice

Nguyen Thi Ngoc Lien and Nguyen Van Bien

Faculty of Physics, Hanoi National University of Education

School - family -society is an important framework that leads to success on moral, life styles education. This conclusion was interpreted in such a big number of educational research. In this paper, we discribe a discriptics model of relationship between key factors in model and show the condition in operation of model. This model was designed based on review of literature; investigation of Vietnam context and learning from international experiences. We also develop some criteria of school - family -society relationship to evaluate the model in practice.

Keywords: Model, revolvment, moral education, life styles, family, school, society.